

Số: 316/KH-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 3 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chính quyền điện tử và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 trong ngành Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 784/QĐ-BGDĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Công văn số 151/UBND-KGVX ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; Các văn bản hướng dẫn của Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Quảng Ngãi, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi xây dựng kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chính quyền điện tử và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 như sau:

#### I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin ngày 12/12/2017;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

Thông báo số 339/TB-VPCP ngày 22/9/2020 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử ngày 26/8/2020;



Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025";

Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

### ***Văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông***

Thông tư số 23/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về công tác triển khai, giám sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Thông tư số 26/2020/TT-BTTTT ngày 23/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông;

Công văn số 2455A/BTTTT-THH ngày 29/7/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành văn bản hướng dẫn mẫu hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

### ***Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo***

Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng;

Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về sử dụng phần mềm tự do mã nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;



Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Kế hoạch số 345/KH-BGDĐT ngày 23/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”.

Quyết định số 784/QĐ-BGDĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

Quyết định số 1904/QĐ-BGDĐT ngày 04/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về kết nối và dữ liệu phục vụ trao đổi dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông.

#### ***Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh***

Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 của tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 Quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025;

Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 về Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ngãi.

## **II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý ngành hiện có vào cơ sở dữ liệu ngành. Triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành. Tạo tiền đề cho bước xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.



### III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về giáo dục trong địa bàn tỉnh, phục vụ xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công chức trong cơ quan ứng dụng CNTT vào giải quyết công việc. Bảo đảm an toàn thông tin cho 100% các máy tính nối mạng của cơ quan Sở và toàn ngành, gồm: triển khai hoàn thiện và duy trì mô hình 4 lớp; triển khai SOC; xác định và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; giám sát an toàn thông tin; bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đào tạo, tập huấn, diễn tập; tuyên truyền nâng cao nhận thức; ứng cứu, khắc phục sự cố.

Bảo đảm an toàn thông tin về các lĩnh vực khác, theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý cấp trên.

### IV. NHIỆM VỤ

Cụ thể hóa các nhiệm vụ ứng dụng CNTT thực hiện Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã ban hành;

Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ và giữa các cơ quan, để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

Thực hiện kết nối liên thông các phần mềm quản lý văn bản và điều hành bảo đảm thông suốt các cấp để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT, kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin để đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT của cơ quan. Cụ thể như sau:

#### 1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

##### a) Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng hệ thống cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (mức độ 3, 4) phục vụ người dân và doanh nghiệp theo hướng hiệu quả (tiết kiệm thời gian, chi phí,...), tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu 30% hồ sơ được xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến tại mức độ 3, 4.

Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống office, thư điện tử có hiệu quả.

Giai đoạn 2021-2025 tiếp tục triển khai sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ công việc đến 100% cán bộ trong cơ quan Sở. 100% văn bản đi, đến được cập nhật lên hệ thống.



Có giải pháp tích hợp tài khoản thư điện tử \*\*\*@quangngai.gov.vn với tài khoản ngành \*\*\*@quangngai.edu.vn , \*\*\*@moet.edu.vn và hướng dẫn sử dụng, đảm bảo 100% cán bộ, chuyên viên cơ quan Sở trao đổi thông tin thuận tiện, dễ dàng.

b) Phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ

Tiếp tục hoàn thiện các cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành, lĩnh vực và các hệ thống thông tin cốt lõi tạo nền tảng xây dựng Chính phủ điện tử bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam,

Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử của các bộ, ngành, địa phương đã ban hành và theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các CSDL quốc gia và danh mục các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương do các Bộ, ngành triển khai đã được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ và của Cục Tin học hóa theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 để tránh đầu tư trùng lặp.

Hệ thống phần mềm Quản lý giáo dục gồm nhiều phân hệ (quản lý điểm trực tuyến, tự động xuất báo cáo, quản lý chất lượng giáo dục, phổ cập giáo dục xóa mù chữ, quản lý trường học, quản lý tài chính.

c) Phục vụ công tác khác: Công tác dự báo, xây dựng kế hoạch theo hàng năm theo các yêu cầu cần thiết.

## **2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

Thay thế, lắp đặt thêm các nút mạng mới, thay thế dây mạng, các bộ chuyển mạch (Switch), lắp đặt bộ phát sóng Wifi (Router Wifi); thiết bị CNTT cho các phòng làm việc; đầu tư thiết bị, máy tính cho phòng họp trực tuyến; trang bị máy tính bảng phục vụ xử lý công việc trên môi trường mạng cho lãnh đạo sở, lãnh đạo các phòng thuộc sở, các cơ sở giáo dục.

## **3. Phát triển các hệ thống nền tảng**

Triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành.

## **4. Phát triển dữ liệu**

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý ngành hiện có vào cơ sở dữ liệu ngành.

Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục của địa phương, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan cung cấp dữ liệu cho trung tâm điều hành thông minh của tỉnh.



## 5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

### a. Cổng Thông tin điện tử

Cập nhật các thông tin theo Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên lên cổng thành phần của tỉnh <http://quangngai.gov.vn> và lên cổng thông tin riêng của Sở là: <http://quangngai.edu.vn>

### b. Dịch vụ công trực tuyến

Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công và các nội dung liên quan theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Phần mềm iOffice được vận hành trên mạng Internet và đăng nhập sử dụng tập trung, thống nhất trong toàn tỉnh tại địa chỉ: <https://office.quangngai.gov.vn>

Tiếp tục hiện khai báo mã định danh trên Hệ thống Trục liên thông quốc gia theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành danh sách Mã định danh các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo QCVN 102:2016/BTTTT.

Phần mềm đáp ứng yêu cầu gửi/nhận liên thông văn bản điện tử 04 cấp chính quyền (*03 cấp chính quyền trong tỉnh và với Chính phủ*) và áp dụng sử dụng chữ ký số đúng theo các quy định hiện hành có liên quan; đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản và điều hành trong cơ quan nhà nước các cấp.

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, kết nối mạng thông tin phục vụ công việc này theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích;

Các dịch vụ công trực tuyến mức 3 (*Tổng số có 13 dịch vụ trực tuyến trên tổng số 39 thủ tục hành chính của ngành giáo dục*) thực hiện qua trung tâm hành chính công “một cửa”. Mức độ cập nhật, khai thác các dịch vụ này thường xuyên.

## 6. Bảo đảm an toàn thông tin

Tăng cường tập huấn, triển đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống, phần mềm, hạ tầng ứng dụng CNTT; kiện toàn, bố trí cán bộ chuyên trách quản lý về an toàn thông tin cho đơn vị;



Nghiêm túc thực hiện theo các văn bản quy định của tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị trực thuộc Sở;

Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo nhân sự phụ trách về an toàn thông tin về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin: 01 lần/ năm;

Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án CNTT (thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ).

### **7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục**

Phát triển việc hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng, khai thác nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hỗ trợ dạy-học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến, giải pháp dạy học có tính tương tác cao; hướng tới đào tạo cá thể hóa.

100% các cơ sở giáo dục từ bậc trung học cơ sở trở lên triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

### **8. Phát triển nguồn nhân lực**

Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức cơ quan và các đơn vị trực thuộc;

Đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống, an toàn thông tin;

Chú trọng các giải pháp nhằm xây dựng và hình thành Công dân điện tử như đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phổ cập ứng dụng CNTT;

Tiếp tục thực hiện Công văn số 2237/BTTTT-CNTT ngày 17/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phổ biến ấn phẩm “tài liệu những điều cần biết về nghề công nghệ thông tin”, quan tâm phối hợp phổ biến đến các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo CNTT trên địa bàn tỉnh để định hướng cho học sinh lựa chọn ngành nghề phù hợp, khuyến khích học sinh lựa chọn ngành công nghệ thông tin phù hợp trong tương lai;

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tập huấn giáo viên qua mạng theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 về việc Quy định ứng dụng



CNTT trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục; báo cáo kịp thời kết quả tập huấn giáo viên về Hệ thống thông tin quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (TEMIS) theo hướng dẫn của Bộ. Triển khai sử dụng có hiệu quả hệ thống hợp trực tuyến đã được Bộ GDĐT cung cấp giải pháp, sử dụng vào công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên;

Bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, rà soát và liên tục bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT, nội dung bồi dưỡng gắn liền với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT của nhà trường, địa phương, bám theo các nội dung như sau:

+ Kỹ năng sử dụng CNTT quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

+ Kỹ năng khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý trong nhà trường; Kỹ năng quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành (cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, hệ thống thông tin quản lý công tác phổ cập giáo dục chống mù chữ, hệ thống quản lý trường học).

+ Kỹ năng dạy-học trực tuyến: Kỹ năng xây dựng học liệu, khai thác các nguồn học liệu, kỹ năng tìm kiếm thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, phần mềm soạn bài giảng e-learning, câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học trên lớp học; kỹ năng tham gia các hoạt động dạy học trực tuyến đối với học sinh.

+ Kỹ năng cài đặt hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng; kỹ năng sửa chữa, khắc phục những hỏng hóc của máy tính và thiết bị CNTT; kỹ năng quản lý, khai thác, sử dụng thiết bị CNTT phục vụ dạy học.

## **V. GIẢI PHÁP**

Cụ thể bao gồm các nhóm giải pháp tiêu biểu như sau:

1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT:

Đối với phòng GDĐT: Phân công lãnh đạo phòng phụ trách và chuyên viên làm đầu mối theo dõi, triển khai nhiệm vụ CNTT.

Đối với cơ sở giáo dục: Phân công một lãnh đạo đơn vị và viên chức CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Truyền thông qua công thông tin điện tử các đơn vị, qua các cuộc họp, hội nghị, hội thảo về triển khai ứng dụng CNTT hàng năm.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên môi trường mạng và thông qua các hội nghị, hội thảo, cuộc thi và các hình thức khác để nâng cao nhận thức



cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về vai trò của ứng dụng CNTT trong các hoạt động Giáo dục (01 trong 09 nhiệm vụ trọng tâm của ngành Giáo dục).

3. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư thiết bị, hạ tầng, dịch vụ CNTT từ người dân, doanh nghiệp, tổ chức đóng chân trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục với các doanh nghiệp để thực hiện tốt các hệ thống thông tin, dịch vụ giáo dục.

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

5. Các phòng GDĐT, trường học và trung tâm cần ban hành quy chế quản lý, duy trì và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, sử dụng hệ thống; triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; có các hình thức khen thưởng các đơn vị, cá nhân làm tốt; có các biện pháp quản lý đối với các đơn vị, cá nhân chưa hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

#### a) Về quản lý sử dụng

Có kế hoạch sử dụng thiết bị hợp lý, quan tâm công tác vệ sinh, an toàn thiết bị, công tác kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên, định kỳ để thiết bị sử dụng bền lâu, phát huy hết công suất.

Ban hành nội quy sử dụng thiết bị phục vụ công tác dạy học và thực hành; tuyên truyền ý thức bảo vệ tài sản chung trong tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh trong trường, phát huy hiệu quả việc quản lý, sử dụng thiết bị.

#### b) Về tổ chức, điều hành

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo trong việc ứng dụng CNTT ở các đơn vị; người đứng đầu đơn vị phải chủ động, có quyết tâm chính trị cao, theo sát và ủng hộ quá trình ứng dụng CNTT vào trong quản lý và giảng dạy.

Thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính của nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tăng cường công tác phân cấp quản lý cho các cơ sở đào tạo theo hướng bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

#### c) Về hiệu quả ứng dụng CNTT

Lãnh đạo các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục phải gương mẫu trong học tập và ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; tạo bước chuyển biến tích cực trong phương pháp làm việc, kết hợp chặt chẽ việc triển khai kế hoạch với Chương trình cải cách hành chính để việc ứng dụng CNTT trong ngành tăng hiệu quả chất lượng công việc.

Triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục phải đáp ứng nhu cầu thực tế, bảo đảm hiệu quả đầu tư.



Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục để có những biện pháp, giải pháp thúc đẩy kịp thời.

#### 6. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính phủ điện tử/Chính phủ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, ... gắn chặt giữa ứng dụng CNTT và cải cách hành chính; triển khai thí điểm mô hình ứng dụng CNTT sau đó nhân rộng.

#### 7. Thu hút nguồn lực CNTT

Bao gồm các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hoá nguồn lực để phát triển Chính phủ điện tử/Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (tài lực, vật lực, nhân lực,...).

Cơ quan quản lý giáo dục tham mưu với UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố ưu tiên kinh phí đầu tư, phục vụ việc ứng dụng CNTT trong cơ quan và đơn vị trực thuộc.

#### 8. Tăng cường hợp tác quốc tế

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam,...).

#### 9. Môi trường chính sách

Tham mưu các cấp quản lý ban hành các văn bản liên quan đầu tư, thu hút, đãi ngộ đối với người làm công tác CNTT của các đơn vị. Tham mưu xây dựng chính sách thúc đẩy, khuyến khích việc ứng dụng CNTT vào các công việc hành chính, giảng dạy và học tập trong toàn ngành.

### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo: Giao Văn phòng Sở chủ trì phối hợp với các đơn vị đôn đốc, tham mưu chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch CNTT trong hành chính giai đoạn 2021-2025 trong cơ quan Sở và toàn ngành. Phòng Giáo dục Trung học xây dựng kế hoạch, theo dõi công tác ứng dụng CNTT trong công tác dạy và học.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được giao, có trách nhiệm triển khai thực hiện Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chính quyền điện tử và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025; có kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện, phân công trách nhiệm, nội dung công việc, tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành và chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Tổ chức đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT hàng năm, gửi về Sở GDĐT (qua Văn phòng Sở) trước ngày 30/5.



Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Sở thống nhất, chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Đơn vị trực thuộc Sở;
- Phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm GDNN-GDTX huyện;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Lưu, VT, VP, ndh.

**GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Văn Phú**